

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 52/2022/HS-ST
Ngày 12-7-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi;

Bà Đỗ Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1988 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T; có vợ là Lò Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Ngày 27-5-2021, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số .../2021/HS-ST ngày ...-12-2021; bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/5/2021; có mặt.

- Bị hại: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Đỗ Văn N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5 đến tháng 11 năm 2020, qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị P đang ở trọ tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng kết bạn với nhau, có quan hệ tình cảm. Sau đó, bị cáo thường xuyên đến nhà trọ của chị P chơi và ngủ lại. Ngày 26/11/2020, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị P nên rủ chị P đi làm tóc để về ra mắt gia đình bị cáo. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo khóa cửa, cầm chìa khóa phòng trọ rồi cùng chị P đi bộ đến quán cắt tóc "Y" cách đó khoảng 100m. Trong khi chị P làm tóc, bị cáo B ngồi đợi đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày rồi nói với chị P là bị cáo đi ăn, nhưng thực tế, bị cáo quay lại phòng trọ. Bôn mở cửa phòng, thấy chìa khóa xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 15B3-22... của chị P để trên yên xe, bị cáo mở cốp xe, thấy bên trong có 01 lắc tay bằng vàng tây, 01 vòng cổ bằng ngọc trai để trong chiếc hộp màu đỏ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 5.500.000 đồng để trong đôi găng tay vải. Bị cáo tiếp tục lục tìm trong túi xách, lấy được 1.500.000 đồng và 01 giấy đăng ký xe máy BKS 15B3-22.936. Bị cáo lấy toàn bộ số tài sản nêu trên; sau đó, khóa cửa, để chìa khóa dưới cửa phòng và điều khiển xe máy về Thái Bình.

Trên đường đi, bị cáo B bán chiếc lắc tay bằng vàng tây được 700.000 đồng, bán chiếc điện thoại di động OPPO được 500.000 đồng. Đối với chiếc vòng tay ngọc trai, 01 giấy đỏ, đôi găng tay, bị cáo đã vứt đi. Bị cáo không nhớ địa chỉ nơi bán cũng như nơi vứt đồ.

Khoảng 10 giờ ngày 30-11-2020, bị cáo gọi điện cho anh Đỗ Văn N ở thôn K, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình rủ về quê bị cáo chơi, anh N đồng ý. Bị cáo điều khiển xe máy trộm cắp được chở anh N. Trên đường đi, bị cáo nói muốn cầm chiếc xe máy đang đi, do bị cáo mượn của bạn, để lấy tiền giải quyết công việc; anh N cho bị cáo số điện thoại của ông Hoàng Văn S ở thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Đến 11 giờ cùng ngày, bị cáo chở anh N đến hiệu cầm đồ của ông S; bị cáo nói xe mượn của bạn, có giấy tờ xe đầy đủ cùng căn cước công dân của bị cáo nên ông S đồng ý cầm cố chiếc xe máy trên với giá 14.000.000 đồng, lãi suất vay 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày có viết giấy, hẹn sau 15 ngày chuộc lại xe. Khoảng 10 ngày sau khi trộm cắp, bị cáo gọi điện thoại cho chị P, thừa nhận đã lấy số tài sản trên của chị P, xe máy đang cầm tại hiệu cầm đồ của ông S ở thôn C, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình và bảo chị P mang 14.000.000 đồng đến hiệu cầm đồ để chuộc xe về. Đồng thời, bị cáo chuyển khoản cho chị P số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; số tiền còn lại, bị cáo ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 07-12-2020, chị P trình báo cơ quan công an về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương ngày 25-12-2020 kết luận: Chiếc xe máy BKS 15B3-22... có giá trị 21.000.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương ngày 02-3-2022 kết luận: 01 lắc tay bằng vàng tay 10k có giá trị 3.979.000 đồng. Đối với 01 điện thoại di động OPPO, 01 vòng đeo cổ bằng ngọc trai đã qua sử dụng chưa thu hồi được, không thu thập được những tài liệu, thông tin khác nên Hội đồng định giá tài sản chưa đủ căn cứ để định giá.

Về vật chứng: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 15B3- 22..., 01 đăng ký xe và chìa khoá xe Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã thu hồi và trả lại cho chị Phạm Thị P là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 USB nhãn hiệu Kingston màu đỏ ghi lại dữ liệu hình ảnh Nguyễn Văn B trộm cắp tài sản, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị P yêu cầu bị cáo B phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng cho những tài sản chưa thu hồi được. Ông S yêu cầu bị cáo B phải trả ông số tiền 14.000.000 đồng là tiền bị cáo đã cầm cố chiếc xe máy.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSAD ngày 14-6-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Hoàng Văn S yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn B phải trả ông số tiền 14.000.000 đồng là tiền bị cáo đã cầm cố chiếc xe máy.

Bị hại chị Phạm Thị P vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố yêu cầu của chị P đối với tài sản chưa thu hồi được. Chị P yêu cầu bị cáo B phải bồi thường tổng số tiền là 9.500.000 đồng cho những tài sản chưa thu hồi được.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên, bị cáo B đồng ý bồi thường, khắc phục hậu quả cho chị P số tiền 9.500.000 đồng và ông S 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo B như nội dung cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B với mức án tù từ 24 tháng tù đến

30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 2 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số .../2021/HS-ST ngày ...-12-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 54 tháng tù đến 60 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-5-2021.

Về vật chứng: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 15B3-22..., 01 đăng ký xe và chìa khóa xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã trả lại cho chị Phạm Thị P - chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston màu đỏ ghi lại dữ liệu hình ảnh Nguyễn Văn B trộm cắp tài sản, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo B phải bồi thường, khắc phục hậu quả cho chị P số tiền 9.500.000 đồng cho những tài sản chưa thu hồi được và ông S 14.000.000 đồng là tiền bị cáo đã cầm cố chiếc xe máy.

Về án phí: Bị cáo B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn B nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được rõ hành vi phạm tội của mình và ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa: Bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện, bị hại đã có lời khai trong hồ sơ và yêu cầu bồi thường nên việc bị hại vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

- Về tội danh:

[3] Tại phiên tòa bị cáo B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và Cáo trạng; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ kết luận: Tối ngày 26-11-2020, bị cáo B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Phạm Thị P, gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS 15B3-22... cùng giấy đăng ký xe máy, 01 lắc tay bằng vàng tây, 01 vòng cổ bằng ngọc trai, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và số tiền 7.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 31.797.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên, bị cáo B có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, bị cáo B phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4] Tính chất vụ án mặc dù ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo B. Trong thời gian bỏ trốn bị cáo B đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai và bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 2 năm 6 tháng tù. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Bản án số .../2021/HS-ST ngày ... tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (01 xe mô tô hiệu Honda SH của anh Võ Ngọc tại khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27-5-2021). Tuy nhiên, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nêu trên diễn ra sau khi bị cáo thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản của chị Phạm Thị P (ngày 26 tháng 11 năm 2020) nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm”.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo B thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo B đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, số tiền là 5.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b và s Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhân thân bị cáo có một tiền án cũng về tội xâm phạm sở hữu, thể hiện bị cáo không có ý thức sửa chữa lỗi lầm, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo B trên mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số .../2021/HS-ST ngày ... tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị P yêu cầu bị cáo B phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng cho những tài sản chưa thu hồi được; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn S yêu cầu bị cáo phải trả cho ông số tiền 14.000.000 đồng là tiền bị cáo đã cầm cố xe máy; bị cáo B đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P và ông S.

[10] Về xử lý vật chứng: Ngày 18-3-2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị P 01 xe máy Honda Vision BKS 15B3-22... nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. 01 USB nhãn hiệu Kingston màu đỏ ghi lại dữ liệu hình ảnh Nguyễn Văn B trộm cắp tài sản, chuyển theo hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b và s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 2 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số .../2021/HS-ST ngày ... tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 5 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28-5-2021.

- Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải bồi thường cho bị hại chị Phạm Thị P số tiền 9.500.000 đồng đối với những tài sản chưa thu hồi được.

- Buộc bị cáo B phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn S số tiền 14.000.000 đồng là tiền bị cáo đã cầm cố xe máy.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo B phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.175.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được/niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thao